

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/02/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – T phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và ông Nguyễn Đức Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2024/TLST – HNGĐ ngày 21/11/2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST – HN ngày 24/01/2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Hoài T, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam; (có mặt).

* **Bị đơn:** Anh Bùi Tiến Đ, sinh năm 1986; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Hoài T trình bày:

1.1. Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Tiến Đ tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/7/2012 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ chồng tại thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam được thời gian khoảng 9 năm thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời điểm đó dịch Covid19 bùng phát nên kinh tế gia đình gặp rất nhiều khó khăn tuy nhiên vợ chồng không những không biết động viên chia sẻ vượt qua khó khăn mà còn bất đồng quan điểm về làm kinh tế nên đã xảy cãi chửi nhau; từ đó mâu thuẫn âm ỉ kéo dài. Vào khoảng tháng 6/2023 trong lúc vợ chồng mâu thuẫn,

anh Đ đã đánh chửi chị. Do không chịu được nên chị đã thuê nhà tại tổ dân phố B, thị trấn B làm ăn, sinh sống; anh Đ cũng không đi tìm đón chị; hai người cũng không liên lạc với nhau, từ đó vợ chồng chấm dứt tình cảm, sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Mặc dù được gia đình hai bên, bà con lối xóm động viên, hòa giải rất nhiều lần nhưng đều không thành.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Bùi Tiến Đ không còn, đề ỏn định cuộc sống chị đề nghị TAND huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

1.2. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Yến N, sinh ngày 28/6/2011, cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 19/12/2013 và cháu Bùi Tú A, sinh ngày 18/3/2016. Hiện các cháu đang ở với ông bà nội, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Do các con chung đều là con gái và các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ nên khi ly hôn chị đề nghị được nhận nuôi dưỡng cháu cả 3 cháu và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu, mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T không còn ý kiến gì khác.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Bùi Tiến Đ trình bày:

2.1. Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Hoài T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/7/2012 tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp, vợ chồng không đồng thuận về quan điểm sống. Nay chị T kiện ly hôn; anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Yến N, sinh ngày 28/6/2011, cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 19/12/2013 và cháu Bùi Tú A, sinh ngày 18/3/2016. Hiện các cháu đang ở với ông bà nội, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Nếu phải ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu chị T phải góp tiền nuôi con chung cùng anh. Hiện tại anh làm xa nhà nhưng vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ nuôi các cháu.

2.3. Về tài sản riêng, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy theo

tiêu chuẩn), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này.

[3] Tại phiên tòa, chị T đề nghị được ly hôn anh Đ. Về con chung, chị thay đổi yêu cầu; chị đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Linh, cháu Tú A cho chị nuôi dưỡng và anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu L cho chị theo quy định của pháp luật; giao cháu N cho anh Đ nuôi dưỡng. Các vấn đề về tài sản và trợ cấp khó khăn sau ly hôn chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 28, Điều 35, điểm Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Hoài T. Xử cho chị Nguyễn Hoài T ly hôn anh Bùi Tiến Đ.

- Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị T: Giao cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 19/12/2013 và cháu Bùi Tú A, sinh ngày 18/3/2016 cho chị Nguyễn Hoài T nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Yên N, sinh ngày 28/6/2011 cho anh Bùi Tiến Đ nuôi dưỡng. Buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Linh cho chị T theo quy định của pháp luật.

- Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; bị đơn – anh Bùi Tiến Đ có nơi thường trú và cư trú tại thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Bùi Tiến Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hoài T và anh Bùi Tiến Đ tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2021 đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn tuy nhiên vợ chồng không biết chia sẻ động viên nhau vượt qua mà lại bất đồng quan điểm trong làm kinh tế cũng như trong sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào giữa năm 2023, hai người đã xảy ra to tiếng, xô xát với nhau; chị T thuê nhà ra ngoài sinh sống không ở cùng anh Đ với gia đình chồng; anh Đ không đi tìm đón chị T về. Sau đó mặc dù vợ chồng có gặp nhau nhưng không giải quyết được mâu thuẫn nên sống ly thân từ đó đến nay.

Sau khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện ly hôn của chị T; đã gặp trực tiếp anh Đ lấy lời khai; tuy nhiên sau đó anh Đ không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia hòa giải và phiên tòa. Điều này thể hiện anh Đ không còn tình cảm vợ chồng với chị T như anh Đ đã trình bày. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T luôn có quan điểm mong muốn được ly hôn anh Đ. Xét trên thực tế mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh Đ xảy ra từ năm 2022; đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt từ tháng 6/2023 đến nay nhưng cả hai cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ của vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy khả năng chị T, anh Đ đoàn tụ là không còn do vậy chấp nhận đề nghị của chị T; xử cho chị T ly hôn anh Đ là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Hoài T và anh Bùi Tiến Đ có 03 con chung là cháu Bùi Yến N, sinh ngày 28/6/2011, cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 19/12/2013 và cháu Bùi Tú A, sinh ngày 18/3/2016. Hiện các cháu đang ở với ông bà nội, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa chị T thay đổi yêu cầu về nuôi con sau ly hôn là hoàn toàn tự nguyện. Mặc dù anh Đ có nguyện vọng nuôi cả 03 cháu và cả 03 cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ nhưng nếu giao cả 03 cháu cho một người nuôi sẽ gặp khó khăn về kinh tế. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T; giao cháu L, cháu Tú A cho chị T nuôi dưỡng; giao cháu N cho anh Đ nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; xét đề nghị buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Linh theo quy định của pháp luật là đúng quy định nên chấp nhận đề nghị yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn của chị T. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xét lương tối thiểu vùng tại huyện B, tỉnh Hà Nam năm 2025 là 3.450.000 đồng vì vậy cần buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Linh cho chị T mỗi tháng là $3.450.000 \text{ đồng} : 2 = 1.725.000 \text{ đồng}$; kể từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công

sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị T, anh Đ đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị T, anh Đ xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định.

- **Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng:** Do anh Bùi Tiến Đ là người có nghĩa vụ phải cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cháu Linh nên anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1. Xử cho chị Nguyễn Hoài T ly hôn anh Bùi Tiến Đ.

2. Về con chung: Chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Hoài T. Giao cháu Bùi Khánh L, sinh ngày 19/12/2013 và cháu Bùi Tú A, sinh ngày 18/3/2016 cho chị Nguyễn Hoài T nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Yến N, sinh ngày 28/6/2011 cho anh Bùi Tiến Đ nuôi dưỡng.

Buộc anh Bùi Tiến Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Khánh L cho chị Nguyễn Hoài T mỗi tháng là 1.725.000 đồng kể từ tháng 03/2025 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng.

Chị T, anh Đ và các thành viên trong gia đình chị T, anh Đ không được cản trở anh Đ, chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N, cháu L, cháu A.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Hoài T phải nộp 300.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Bùi Tiến Đ phải chịu 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0000629 ngày 21/11/2024 thành

án phí ly hôn sơ thẩm mà chị T phải chịu. (Chị T đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm, còn anh Bùi Tiến Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)